

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**Số: **28** /2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2013

THÔNG TƯ**Điều chỉnh mức thuế nhập khẩu xe ô tô chở người đã qua sử dụng
quy định tại khoản 1, điều 1 Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg
ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ**

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành mức thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở xuống đã qua sử dụng;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi khoản 1 điều 1 Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành mức thuế nhập khẩu xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở xuống đã qua sử dụng.

Điều 1. Điều chỉnh mức thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống (kể cả lái xe) có dung tích xi lanh dưới 1.500cc quy định tại khoản 1 điều 1 Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ thành mức thuế nhập khẩu tuyệt đối mới như sau:

| Mô tả mặt hàng | Thuộc nhóm mã số trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi | Đơn vị tính | Mức thuế (USD) |
|-------------------------------|---|-------------|----------------|
| - Dưới 1.000cc | 8703 | Chiếc | 4.200,00 |
| - Từ 1.000cc đến dưới 1.500cc | 8703 | Chiếc | 9.600,00 |

Điều 2. Các mức thuế nhập khẩu không điều chỉnh tại Thông tư này vẫn thực hiện theo Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TƯ về phòng chống tham nhũng;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển VN;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Toà án nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước; Công báo;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ và trực thuộc Bộ, Website BTC;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc, Website TCHQ;
- Lưu: VT, TCHQ (345)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn